

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HS - PT
Ngày 25 - 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Cảnh và ông Đỗ Đồng Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2017/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Văn S do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HS-ST ngày 15 - 5 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị cáo bị kháng cáo: Đỗ Văn S, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Phúc; trú tại: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 6/12; con ông Đỗ Văn G và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thị B và 02 con; tại ngoại - Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại: Ông Nguyễn Yên M; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22 - 9 - 2016, chị Nguyễn Thị B là vợ của bị cáo Đỗ Văn S đến nhà của ông Nguyễn Yên M để lấy tiền nợ đóng thùng xe cang độ chế trước đó. Tuy nhiên, ông M cho rằng S lắp ráp một số phụ tùng với giá cao nên yêu cầu tháo những phụ tùng này ra. Khoảng 12 giờ cùng ngày anh Nguyễn Tiến D là con trai ông M điều khiển xe cang đến gara của S để tháo phụ tùng. Trong

khi S đang tháo phụ tùng thì ông M đến và giật tay S ra, sau đó hai người lời qua tiếng lại to tiếng với nhau. Lúc này, S dùng chiếc cà lê gỗ vào thùng xe cang và chỉ vào mặt ông M. Thấy vậy, anh D đứng phía sau lưng ông M liền nhặt 01 cây gậy gỗ dài 70cm, đường kính 05cm đánh làm S bị trầy xước nhẹ. Ngay sau đó, S chạy vào gara lấy thanh sắt dài 189cm, cạnh rộng 05cm; anh D chạy ra phía trước đầu xe cang, còn ông M chạy qua thùng đồ nghề bên trái của xe lấy 02 tít sắt. Khi S chạy ra phía đầu xe cang thì ông M cầm 01 tít sắt ném về phía S nhưng không trúng. Sau đó, S cầm thanh sắt đánh nhát thứ nhất không trúng do ông M tránh được, nhát thứ hai thì ông M đưa tay trái có tít sắt lên đỡ làm cho thanh sắt trúng vào tít sắt trượt xuống vào vùng trán trái trượt xuống bả vai của ông M gây thương tích.

Bản kết luận pháp y thương tích số: 1160/PY-TgT ngày 21-10-2016 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Đắk Lắk kết luận: Ông Nguyễn Yên M bị vết thương vùng trán đỉnh, sẹo ảnh hưởng thẩm mỹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17%, vật gây thương tích là cứng, có cạnh.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HSST ngày 15-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải bồi thường cho ông Nguyễn Yên M 41.038.000 đồng, trừ số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường 31.038.000 đồng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 22 - 5 - 2017 ông Nguyễn Yên M kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M rút nội dung kháng cáo về việc tăng mức bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HS - ST ngày 15-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã kết án bị cáo Đỗ Văn S về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo, cụ thể: Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt từ 02 năm đến 05 năm, trong khi khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định

khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm. Song, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo là có thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 2015; Công văn số: 327/TANDTC- PC ngày 07-11-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 để phân tích, so sánh khi đánh giá, nhận định và quyết định hình phạt đối với bị cáo; đồng thời nêu thiếu sót này để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Yên M tự nguyện rút phần kháng cáo về việc tăng mức bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo này. Quyết định về trách nhiệm dân sự của Bản án sơ thẩm số: 17/2017/HS-ST ngày 15 - 5 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện K có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.2. Đối với nội dung kháng cáo tăng hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; có nhân thân tốt. Mặt khác, nguyên nhân dẫn đến sự việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ thái độ, cách hành xử của người bị hại làm cho bị cáo bức xúc. Ngoài ra, bị cáo có đầy đủ các điều kiện khác quy định tại Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra và quyết định cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Yên M về việc tăng hình phạt, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2017/HS-ST ngày 15 - 5 - 2017 của Tòa án nhân dân huyện K về hình phạt.

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 104, các điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự 2015; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn S 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69

của Luật Thi hành án Hình sự.

1.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 609 của Bộ luật Dân sự 2005.

Buộc bị cáo Đỗ Văn S phải bồi thường cho ông Nguyễn Yên M tổng số tiền 41.038.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*) được trừ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) đã bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường 31.038.000đ (*Ba mươi một triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Yên M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng, cáo kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS-CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện K;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu: THCTP, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lương Đức Dương